

外国人保護者・生徒のための
中学校生活を充実させる10のポイント

10 điểm quan trọng giúp sinh hoạt cấp 2 trở nên trọn vẹn dành cho học sinh và phụ huynh người nước ngoài

日本の中学校の生活や学習方法は、小学校と比べて大きく変わります。学校にいる時間が長くなり、勉強も難しくなります。子どもたちがしっかりと学び、将来に向かって元気に成長できるよう、知っておくと安心な10のポイントを紹介します。

Tại nước Nhật phương pháp học tập và sinh hoạt ở cấp 2 sẽ khác rất nhiều so với thời tiểu học. Thời gian ở trường sẽ dài hơn, và việc học cũng trở nên khó hơn. Xin giới thiệu 10 điểm quan trọng nếu biết trước sẽ an tâm hơn và giúp cho các em học hành chăm chỉ, trưởng thành khỏe mạnh để hướng đến tương lai.

※支援者の皆さんへ：外国人保護者・生徒に中学校生活や高校受験について説明する材料として本パンフレットを活用ください。



中学校生活について／Về sinh hoạt ở cấp 2

- 1 制服や体操着は入学前に買います
- 2 家庭で用意する学用品等があります
- 3 放課後や土・日曜日に部活動（部活）があります
- 4 学校行事に積極的に参加しましょう
- 1 Mua đồng phục hoặc quần áo thể thao trước khi nhập học.
- 2 Có những đồ dùng học tập, v.v. cần phải chuẩn bị ở nhà.
- 3 Có các hoạt động câu lạc bộ ("Bukatsu") sau giờ tan học hoặc là vào thứ 7, chủ nhật.
- 4 Hãy tham gia tích cực vào các sự kiện của trường.

中学校での学習について／Về việc học ở cấp 2

- 5 科目が9科目に増え、定期テストがあります
- 6 成績評価の方法を知りましょう
- 7 家庭での勉強も大切です
- 5 Số môn học tăng lên thành 9 môn, và có bài kiểm tra định kì.
- 6 Hãy tìm hiểu trước cách đánh giá thành tích học tập
- 7 Việc học ở nhà cũng rất quan trọng.

高校進学について／Về việc học lên cấp 3

- 8 高校に入学するには入学試験（入試）があります
- 8 Có kì thi nhập học ("Nyushi") để được vào học các trường cấp 3

お役立ち情報／Thông tin hữu ích

- 9 教育に関する費用や流れについて知りましょう
- 9 Hãy tìm hiểu chi phí và quy trình liên quan đến giáo dục
- 10 分からないことは相談しましょう！
- 10 Hãy tìm cách trao đổi khi có điều gì chưa hiểu !



1 制服や体操着は入学前に買います

●制服 9-[A](#)参照

制服は中学校によって決められています。中学校入学前の1～2月に専門のお店で注文します。

●体操着 9-[A](#)参照

体操着（ジャージ）や体育館履きなども、入学前に専門のお店で買います。

2 家庭で用意する学用品等があります

●学用品

通学バッグやノート、筆記用具のほか、各教科で使う水着などは家庭で用意をします。教材費は中学校に払います。

●お弁当

神奈川県では、お弁当を持っていく中学校が多いです。

※給食がある場合、給食費がかかります。

3 放課後や土・日曜日に部活動（部活）があります

サッカーやテニスなどの運動系と、吹奏楽や美術などの文化系の部活動があります。約90%の生徒が部活に打ち込んでいます。放課後の他、早朝、土・日曜日、夏休みに練習があります。道具代やユニフォーム代、試合に出るための交通費等がかかります。9-[B](#)参照

4 学校行事に積極的に参加しましょう

「文化祭」「体育祭」「授業参観」などは中学校のようすを知る良い機会です。「家庭訪問」や「三者面談」では保護者と生徒、担任が、学習面・生活面について話をします。

1 Mua đồng phục hoặc quần áo thể thao trước khi nhập học

● Đồng phục Tham khảo 9-[A](#)

Đồng phục sẽ khác nhau do quy định của từng trường cấp 2. Thường sẽ được đặt may tại các cửa hàng chuyên dụng vào tháng 1- tháng 2 trước khi nhập học.

● Quần áo thể thao Tham khảo 9-[A](#)

Quần áo thể thao (bộ thể thao dài tay) hoặc giày thể thao mang trong nhà thi đấu đều có thể mua trước khi nhập học tại các cửa hàng chuyên dụng.

2 Có những đồ dùng học tập, v.v. cần phải chuẩn bị ở nhà

● Đồ dùng học tập

Ngoài cặp hay vở, bút viết, thi đồ dùng cho các môn học như đồ bơi v.v.. ở nhà cần phải chuẩn bị. Phí sách học thi sẽ trả cho nhà trường.

● Cơm hộp (bento)

Ở tỉnh Kanagawa có nhiều trường cấp 2 phải mang theo cơm hộp đi học.

※Trường hợp ăn trưa ở trường thì sẽ phải đóng tiền ăn.

3 Có các hoạt động câu lạc bộ ("Bukatsu") sau giờ tan học hoặc là vào thứ 7, chủ nhật

Tham khảo 9-[B](#)

Có các hoạt động câu lạc bộ thuộc nhóm vận động như bóng đá, tennis, v.v. hoặc các hoạt động thuộc nhóm văn hóa như dân nhạc hơi, mỹ thuật, v.v. Khoảng 90% các em học sinh sẽ tham gia các hoạt động câu lạc bộ. Ngoài những lúc sau giờ tan trường, có thể sẽ luyện tập vào sáng sớm hoặc vào thứ 7, chủ nhật, kì nghỉ hè. Sẽ tốn tiền mua vật dụng, đồng phục hoặc phí đi lại khi có trận thi đấu.

4 Hãy tham gia tích cực vào các sự kiện của trường

Những sự kiện như "Lễ hội văn hóa", "Ngày hội thể thao" hay "Buổi dự giờ học" là cơ hội tốt để quan sát tình hình học tập ở cấp 2. Các buổi "Đến thăm nhà" hoặc "Họp mặt 3 bên" thì phụ huynh và học sinh, giáo viên chủ nhiệm sẽ nói chuyện về tình hình học tập và sinh hoạt.

中学校での学習について／Về việc học ở cấp 2

5 科目が9科目に増え、定期テストがあります

中学校では、勉強する科目が9科目に増え、教科によって先生が変わります。忘れ物をしないように各授業の準備をしましょう。「定期テスト」は、各教科の成績を決める大事なテストで年4～5回行われます。

6 成績評価の方法を知りましょう

各学期のおわりに成績が書かれた「通知表」が配られます。成績は良い順に「5・4・3・2・1」で表され、①定期テストの結果、②授業態度、③提出物（ノートや宿題）などで決まります。

特に2年生と3年生の成績は、高校受験の選考の材料になります。テストだけでなく、普段から積極的に授業に参加し、宿題を提出しましょう。

7 家庭での勉強も大切です

中学生にとって、家での復習や宿題、テスト勉強などはとても大切です。一人で勉強するのが大変なときは、ボランティアが勉強や宿題を手伝ってくれる学習支援教室等も利用しましょう。

★かながわ学習補習教室マップ

神奈川県内の学習支援教室を探すことができます。

www.kifjp.org/classroom



5 Số môn học tăng lên thành 9 môn, và có bài kiểm tra định kì

Lên cấp 2, số môn học tăng lên thành 9 môn, giáo viên cũng thay đổi tùy vào môn học. Đừng quên đồ và hãy chuẩn bị cho các môn học thật kĩ. 1 năm có 4 - 5 lần thực hiện "Kiểm tra định kì" là bài kiểm tra quan trọng để đánh giá thành tích học tập của các em.

6 Hãy tìm hiểu trước cách đánh giá thành tích học tập

Cuối mỗi học kì sẽ có "Bản thông báo" được gửi về, trên đó ghi thành tích học tập của các em. Thành tích sẽ được cho điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp là "5 - 4 - 3 - 2 - 1", trong đó điểm sẽ được quyết định từ (1) Kết quả bài kiểm tra định kì, (2) Thái độ học tập, (3) Đồ phải nộp (vở hoặc bài tập về nhà), v.v. Đặc biệt thành tích của năm thứ 2 và thứ 3 sẽ được xem xét tuyển chọn khi thi vào cấp 3. Không chỉ các bài kiểm tra, mà hàng ngày hãy tích cực tham gia giờ học, nộp bài tập đầy đủ.

7 Việc học ở nhà cũng rất quan trọng

Đối với học sinh cấp 2, việc ôn bài và làm bài tập ở nhà, học ôn trước khi kiểm tra là rất quan trọng. Nếu thấy khó khăn khi học một mình thì có thể sử dụng các lớp hỗ trợ học tập, v.v. nơi có các tình nguyện viên giúp đỡ các em trong việc học và làm bài tập về nhà.

★Bản đồ Lớp hỗ trợ học tập Kanagawa

Có thể sử dụng để tìm kiếm các lớp hỗ trợ học tập trong tỉnh Kanagawa.

www.kifjp.org/classroom



高校進学について／Về việc học lên cấp 3

8 高校に入学するには入学試験（入試）があります

日本では約 98% の中学生が高校に進学します。高校に入学するためには、入学試験（入試）に合格しなければなりません。 **9-C 参照**

① 志望校選び

担任や家族とよく話し合ひましょう。行きたい高校について調べ、説明会や見学に行ってみましょう。

② 「公立高校入学のためのガイドブック」(多言語)

高校受験について多言語で分かりやすくまとめた冊子で、中学校で配布します。神奈川県教育委員会のホームページからもダウンロードできます。

③ 「日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス」(通訳つき)

毎年 9～10 月に県内各地で開催されます。受験制度の説明や体験談の発表があり、個別の相談もできます。

④ 出願から合格まで

出願は例年 1 月、入試は 2 月に行われます。公立全日制高校の入試では 5 教科の筆記試験と面接があります。試験勉強だけでなく、面接の準備も大切です。

※受験に関する特別な制度

来日してから 6 年以内などの条件に合う人は、手続きをすれば、特別な受験方法を利用することができます。詳しくは中学校の先生に相談しましょう。

8 Có kì thi nhập học ("Nyushi") để được vào học các trường cấp 3

Ở Nhật có khoảng 98% học sinh sẽ học tiếp lên cấp 3. Để vào được cấp 3, các em cần phải đỗ kì thi nhập học ("Nyushi"). **Tham khảo 9-C**

① Chọn trường theo nguyện vọng

Gia đình và giáo viên chủ nhiệm tích cực trao đổi với nhau. Hãy tìm hiểu kĩ về trường muốn vào và đến nghe buổi giới thiệu về trường, đi tham quan trường.

② "Sách hướng dẫn vào học tại các trường cấp 3 công lập" (Đa ngôn ngữ)

Đây là cuốn sách phát ở trường cấp 2, được viết một cách dễ hiểu về kì thi nhập học vào cấp 3 với nhiều thứ tiếng. Có thể tải về từ trang web của Ủy ban giáo dục tỉnh Kanagawa.

③ Buổi "Hướng dẫn học tiếp lên cấp 3 dành cho những người không dùng tiếng Nhật như tiếng mẹ đẻ" (có phiên dịch)

Được tổ chức vào tầm tháng 9 - 10 hàng năm tại các địa phương trong tỉnh. Sẽ có phần giải thích về chế độ thi cử, truyền đạt kinh nghiệm hoặc trao đổi cá nhân.

④ Quy trình từ lúc nộp đơn đến khi đậu

Thường việc nộp đơn sẽ diễn ra tầm tháng 1 và kì thi nhập học được tổ chức vào tháng 2 hàng năm. Kì thi nhập học vào các trường cấp 3 theo chế độ công lập sẽ có 5 môn thi viết và thi vấn đáp. Không chỉ phải học ôn thi mà việc chuẩn bị thi vấn đáp cũng rất quan trọng.

※Chế độ đặc biệt liên quan đến kì thi nhập học

Những người hợp điều kiện như đến Nhật trong vòng dưới 6 năm v.v., nếu làm thủ tục thi có thể sử dụng chế độ thi nhập học đặc biệt. Cụ thể xin hãy trao đổi với giáo viên ở trường cấp 2.



9 教育に関する費用や流れについて知りましょう

9 Hãy tìm hiểu chi phí và quy trình liên quan đến giáo dục

A 中学校でかかるお金について(例) / Về các khoản tiền phải trả ở trường cấp 2 (ví dụ)

時期/Thời điểm	項目/Mục	金額(円)/Số tiền (Yên)
入学前 /Trước khi nhập học	制服代/Tiền đồng phục	60,000
	体操着/Quần áo thể thao	15,000
	体育館履き、バッグ等/Giày thể thao, túi cặp, v.v.	10,000
毎年/Hàng năm	教材/Sách giáo khoa	10,000
	学校納付金/Tiền đóng góp cho trường	12,000
	P T A / P T A (Hội phụ huynh)	4,000
3年生/Năm thứ 3	修学旅行/Tham quan học tập	60,000
その他/Khác	水泳道具、給食等/Đồ bơi, phí ăn trưa, v.v.	

※経済的に困難な場合、学用品等の一部を援助する「就学援助」があります。

Trường hợp khó khăn về kinh tế thì có chế độ "Hỗ trợ đi học", sẽ được hỗ trợ một phần tiền đồ dùng học tập, v.v.

B 中学校の一日(例)
Một ngày ở trường cấp 2 (Ví dụ)

7:00	朝練習(部活) /Luyện tập buổi sáng (Bukatsu)
8:00	登校/Vào lớp
9:00	
10:00	午前授業 /Học buổi sáng
11:00	
12:00	昼食/Ăn trưa 清掃等/Dọn dẹp, v.v.
13:00	
14:00	午後授業/Học buổi chiều
15:00	
16:00	部活、委員会等 /Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsu), Hoạt động ban cán sự, v.v.
17:00	
18:00	下校/Tan học

C 中学3年生の1年(例)
1 năm của học sinh cấp 2 năm thứ 3 (Ví dụ)

月/Tháng	
4	進路説明会/Hướng dẫn giải thích về lộ trình
5	修学旅行/Đi tham quan học tập
6	
7	部活引退/Rút khỏi hoạt động câu lạc bộ (Bukatsu)
8	高校見学/説明会/Hướng dẫn giải thích / Tham quan trường cấp 3
9	高校進学ガイダンス/Hướng dẫn học tiếp lên cấp 3
10	
11	進路面談/Tư vấn về chuyện học tiếp
12	面接練習/Luyện tập thi phỏng vấn
1	出願/Nộp đơn
2	受験/Thi nhập học
3	合格発表/Thông báo kết quả thi
3	卒業/Tốt nghiệp



10 わからないことは相談しましょう！

★中学校の先生に聞く

中学校ではたくさんの手紙が配られます。重要な部分にはふりがなを振ってもらい、通訳をお願いできると安心です。わからないことは相談しましょう。

★教育相談を活用する

教育に関する情報を調べたり、相談をすることができます。

・あーすぶらざ外国人教育相談

TEL: **045-896-2972**

タガログ語、ポルトガル語、中国語、スペイン語、ベトナム語

・かながわ外国人教育相談

TEL: **045-222-1209**

スペイン語、中国語、英語

★相談できる場所を知りましょう

生活で困ったことがあったら気軽に問い合わせてください。生活で必要な情報（医療、保健、福祉、子育てなど）相談するところを教えます。

・多言語支援センターかながわ

TEL: **045-316-2770**

10 Hãy tìm cách trao đổi khi có điều gì chưa hiểu !

★Hỏi giáo viên ở trường cấp 2

Ở trường cấp 2 sẽ được phát rất nhiều thư từ. Những chỗ quan trọng thì có thể nhờ phiên âm hoặc nhờ gọi phiên dịch sẽ thấy yên tâm hơn. Nếu có gì không hiểu thì hãy trao đổi.

★Sử dụng Tư vấn giáo dục

Có thể tìm hiểu thông tin và trao đổi liên quan đến giáo dục.

- Tư vấn giáo dục dành cho người nước ngoài Earth Plaza

TEL : **045-896-2972**

Tiếng Tagalog, tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt

- Tư vấn giáo dục dành cho người nước ngoài Kanagawa

TEL : **045-222-1209**

Tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Anh

★Hãy tìm hiểu những nơi có thể trao đổi

Nếu gặp khó khăn gì trong cuộc sống, xin đừng ngần ngại và hãy tìm cách trao đổi. Bạn sẽ được hướng dẫn về nơi tư vấn hoặc các thông tin cần thiết (y tế, bảo vệ sức khỏe, phúc lợi, nuôi dạy trẻ, v.v.).

- Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ Kanagawa

TEL : **045-316-2770**



発行：
Phát hành



公益財団法人 **かながわ国際交流財団**
Tổ chức Giao lưu quốc tế Kanagawa

TEL: 045-620-0011 FAX: 045-620-0025

URL: www.kifjp.org

<支援者の皆さんへ>

当財団では、『外国につながる生徒の高校進学サポートガイド』など支援者向けのガイドブックも発行しています。ホームページでもダウンロードできますので、ぜひご利用ください。

